

Số: 53/2018/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 07 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với một số công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 77/TTr-SNN ngày 14 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với một số công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KTVB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh, Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, KTN(vqk).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Thương

QUY ĐỊNH
Cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với một số công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với một số công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Phạm vi vùng phụ cận của những công trình không có trong Quy định này thực hiện theo Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Công trình thủy lợi* là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyên nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi;

Các công trình thủy lợi trong Quy định này được hiểu là những công trình thủy lợi đặc thù của địa phương chưa được quy định phạm vi vùng phụ cận tại Điều 40 Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017.

2. *Đập tràn* là đập hoặc tường chắn ngang dòng chảy sông, suối, rạch tự nhiên để nâng cao mực nước thượng lưu và cho toàn bộ dòng chảy tràn qua;

3. *Chiều cao đập tràn* là khoảng cách tính từ mặt nền thấp nhất sau khi dọn móng (không kể phần chiều cao chân khay) đến đỉnh đập.

4. *Bờ vùng (bờ bao thủy lợi)*: Là công trình bảo vệ cho một khu sản xuất, dân cư nhất định. Bờ vùng có thể là bờ kênh kết hợp hoặc bờ vùng độc lập.

5. *Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi* là phạm vi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi

1. Vùng phụ cận của đập tràn

a) Đập tràn có chiều cao dưới 3m: Tối thiểu là 10m, phạm vi không được xâm phạm là 5m sát biên ngoài phần xây đúc thượng, hạ lưu đập và hai vai đập, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.

b) Đập tràn có chiều cao từ 3m đến dưới 5m: Tối thiểu là 20m, phạm vi không được xâm phạm là 10m sát biên ngoài phần xây đúc thượng, hạ lưu đập và hai vai đập, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.

c) Đập tràn có chiều cao từ 5m đến dưới 10m: Tối thiểu là 40m, phạm vi không được xâm phạm là 20m sát biên ngoài phần xây đúc thượng, hạ lưu đập và hai vai đập, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.

d) Đập tràn có chiều cao từ 10m đến dưới 25m: Tối thiểu là 80m, phạm vi không được xâm phạm là 40m sát biên ngoài phần xây đúc thượng, hạ lưu đập và hai vai đập, phạm vi còn lại được sử dụng cho các mục đích không gây mất an toàn đập.

2. Vùng phụ cận của trạm bơm

a) Khu vực trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở ra tối thiểu là 01m.

b) Khu vực trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận trạm bơm được tính là toàn bộ diện tích được nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng và cách mép ngoài mở móng công trình tối thiểu là 03m với mái đất và tối thiểu 02m với phần xây lát.

3. Vùng phụ cận của kênh

Lưu lượng để xác định phạm vi vùng phụ cận đối với kênh là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà công trình phải chuyên tải.

a) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $0,5\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 0,7 m đến 1,0 m đối với kênh đất, từ 0,5 m đến 0,7 m đối với kênh kiên cố.

b) Kênh có lưu lượng từ 0,5 đến dưới $01\text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 01 m đến 1,5 m đối với kênh đất, từ 0,7 m đến 0,9 m đối với kênh kiên cố.

c) Kênh có lưu lượng từ $01\text{ m}^3/\text{s}$ đến dưới $02\text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi bảo vệ được tính từ chân mái ngoài trở ra từ 1,5m đến 02m đối với kênh đất, từ 0,9m đến 01m đối với kênh kiên cố.

d) Kênh có lưu lượng từ $02\text{ m}^3/\text{s}$ trở lên áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.

đ) Đối với kênh là đường ống: Với đường ống nổi trên mặt đất (một phần hoặc toàn bộ): phạm vi bảo vệ tính từ mép ngoài cùng của ống ra mỗi bên tối thiểu $0,5 \div 1,0\text{m}$ nhưng không nhỏ hơn 1,5 lần bán kính ống và áp dụng dọc theo chiều dài tuyến ống.

Với đường ống chìm dưới mặt đất, phạm vi không nhỏ hơn khoảng cách từ tim đến điểm giao mái đào với mặt đất tự nhiên.

4. Vùng phụ cận đối với các công trình trên kênh như: Cống, cầu qua kênh, xi phông, cầu máng, tường kê...

Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngai cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 03m về mọi phía.

5. Vùng phụ cận của bờ vùng

a) Bờ vùng độc lập: Phạm vi vùng phụ cận tính từ chân bờ trở ra mỗi phía 02m.

b) Bờ vùng do bờ kênh kết hợp: Phạm vi vùng phụ cận xác định như đối với kênh.

6. Vùng phụ cận của công trình thủy lợi khi giao cắt, trùng lặp với các công trình có sẵn:

a) Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, các hành lang bảo vệ an toàn tuân theo tiêu chuẩn của đường dây tải điện hiện hành.

b) Những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kênh kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi. Việc cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ do đơn vị quản lý giao thông thực hiện, có sự tham gia, phối hợp của đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi.

c) Khi công trình thủy lợi giao cắt hoặc chồng lấn với các công trình ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật khác sẵn có, phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật đã có nhưng không được nhỏ hơn phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi đã được quy định ở trên.

7. Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây đúc thì phạm vi bảo vệ công trình xác định theo thứ tự lần lượt như sau: công trình xây đúc kiên cố, công trình đất.

Điều 5. Trách nhiệm của các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi thực hiện

nghiêm túc các nội dung tại Quy định này.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi, các địa phương, đơn vị liên quan triển khai cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

3. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông, chỉ đạo cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ công trình theo quy định.

4. Các sở, ngành khác có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện Quy định này.

b) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này trên địa bàn; chỉ đạo ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện Quy định này.

c) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật. Xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

d) Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Tuyên truyền, phổ biến Quy định này tại địa phương.

b) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật; phối hợp với các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên

địa bàn tổ chức cấm mốc và quản lý mốc giới bảo vệ công trình.

c) Kịp thời xử lý những hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền xử lý thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý.

7. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý khai thác công trình thủy lợi

a) Lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ công trình theo quy định tại Điều 41 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức cấm mốc và quản lý các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định hiện hành; kinh phí cho việc cấm mốc được lấy từ nguồn tài chính của đơn vị và các nguồn hợp pháp khác.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

d) Lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình cho Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp quản lý.

đ) Chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, quản lý hành lang, mốc giới bảo vệ công trình. Trường hợp hành lang bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

e) Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thời gian gửi báo cáo định kỳ trước ngày 10/01 hằng năm.

g) Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện Quy định này trên địa bàn.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Thương